

HOSE 27/08/2014

VNINDEX 628.77 -0.28 -0.04%

KLGD 157,140,925 CP
GTGD 2,735.18 Tỷ
GTR NDTNN - 134.33 Tỷ

CP Tăng giá 103 CP
CP Giảm giá 120 CP
CP Đứng giá 81 CP



HNX 27/8/2014

HNXINDEX 85.89 0.20 0.23%

KLGD 81,562,171 CP
GTGD 940.54 Tỷ
GTR NDTNN - 14.06 Tỷ

CP Tăng giá 89 CP
CP Giảm giá 120 CP
CP Đứng giá 170 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 667.90 -0.35 -0.05%
HNX30 175.90 0.09 0.05%

Tâm điểm

- ▶ **Dòng tiền phân hóa mạnh, 2 sàn đóng cửa trái chiều**
- ▶ **Thanh khoản thị trường ở mức tương đương với phiên ngày hôm qua**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,700 tỷ đồng
- ▶ **8 tháng, Việt Nam thu hút 10.2 tỷ vốn FDI đăng ký, giải ngân 7.9 tỷ USD**
Thu hút vốn FDI đang phục hồi
Người Đồng Hành
- ▶ **Đến 15/8, ngân sách bội chi 89 nghìn tỷ đồng, bằng 40% dự toán**
Mức bội chi này tăng so với mức ghi nhận vào giữa tháng 7 là 85 nghìn tỷ đồng
Người Đồng Hành
- ▶ **GDP 9 tháng ước đạt 5.54%**
Tình hình kinh tế - xã hội trong 8 tháng đầu năm tiếp tục đà phục hồi
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **SBA: 76% lợi nhuận cả năm tập trung vào quý 4**
Riêng quý 4 chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế sẽ chiếm khoảng 76% cả năm (78 tỷ đồng)
Vietstock
- ▶ **TMC: Ước đạt hơn 20 tỷ đồng lợi nhuận 3 quý**
Đợt giảm giá xăng vừa qua có ảnh hưởng nhẹ đến doanh thu và LN của Công ty
Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,121,240	15.7	3.5	20.0%	10.9%
HNX	138,697	14.2	1.8	9.6%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,259,937	17.2	3.4	19.1%	10.3%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,419	6.7	0.9	13.7%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	19,923	9.1	1.5	16.9%	11.5%
Thép và sản phẩm thép	40,973	17.9	2.3	20.6%	9.5%
Khai khoáng	12,142	65.9	5.6	0.3%	0.0%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,895	15.5	1.4	11.8%	7.8%
Xây dựng	30,996	44.2	1.2	0.8%	2.2%
Máy công nghiệp	8,608	9.1	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,775	8.0	1.5	19.6%	14.0%
Lốp xe	8,142	10.1	2.9	27.6%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	18,571	10.8	1.8	18.8%	6.8%
Thực phẩm	203,536	24.8	5.0	20.7%	16.2%
Dược phẩm	15,726	10.9	3.0	24.9%	16.4%
Phần mềm	19,210	11.9	2.5	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	23,578	- 5.6	1.3	-11.6%	1.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	239,877	19.6	6.5	33.1%	22.7%
Bảo hiểm nhân thọ	30,213	24.9	2.6	10.1%	2.1%
Môi giới chứng khoán	26,467	13.4	1.5	9.6%	6.9%
Ngân hàng	245,732	11.4	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản	162,691	16.8	2.9	20.0%	5.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	51,532	11.6	2.5	22.5%	9.4%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

8 tháng, Việt Nam thu hút 10.2 tỷ vốn FDI đăng ký, giải ngân 7.9 tỷ USD

Đến 15/8, ngân sách bội chi 89 nghìn tỷ đồng, bằng 40% dự toán

GDP 9 tháng ước đạt 5.54%

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

SBA: 76% lợi nhuận cả năm tập trung vào quý 4

TMC: Ước đạt hơn 20 tỷ đồng lợi nhuận 3 quý

HQC: Đã phát hành 30 triệu cổ phiếu cho Công ty liên kết

► Tin kinh tế

Theo báo cáo do GSO công bố ngày 26/8, Việt Nam đã thu hút được 992 dự án FDI cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 7.25 tỷ USD tính đầu năm đến ngày 20/8, tăng 29% về số dự án nhưng giảm 2.1% về số vốn so với cùng kỳ năm 2013. Cũng trong khoảng thời gian đó, có 349 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước được cấp vốn bổ sung với số tiền 2.99 tỷ USD. Như vậy, tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới và vốn cấp bổ sung đạt 10.23 tỷ USD, giảm 19% so với cùng kỳ. Trong khi đó, vốn FDI thực hiện 8 tháng đầu năm nay ước đạt 7.9 tỷ USD, tăng 4.5% so với cùng kỳ.

Số liệu mới nhất của Tổng cục Thống kê (GSO) cho thấy tổng thu ngân sách nhà nước từ đầu năm đến giữa tháng 8/2014 ước đạt 538.8 nghìn tỷ đồng, bằng 68.8% dự toán năm. Trong số này, thu nội địa đạt 366.7 nghìn tỷ đồng, bằng 68% dự toán năm; thu từ dầu thô đạt 64 nghìn tỷ đồng, bằng 75.1%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 103.7 nghìn tỷ đồng, bằng 67.3%. Tổng chi ngân sách nhà nước từ đầu năm đến ngày 15/8 ước đạt 627.9 nghìn tỷ đồng, bằng 62.4% dự toán năm. Như vậy, Việt Nam ghi nhận mức bội chi ngân sách khoảng 89.1 nghìn tỷ đồng tính đến giữa tháng 8, tăng so với mức ghi nhận vào giữa tháng 7 là 85 nghìn tỷ đồng và bằng 39.8% dự toán cả năm 2014, được Quốc hội phê duyệt ở mức 224,000 tỷ đồng.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2014 và dự kiến kế Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2014 diễn ra sáng nay (27/8) cho thấy, tình hình kinh tế - xã hội trong 8 tháng đầu năm tiếp tục đà phục hồi, có nhiều chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm ước đạt 5.54%. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn. Kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc, tổng cầu tăng chậm, tăng trưởng tín dụng thấp, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp còn khó khăn, xử lý nợ xấu còn chậm so với yêu cầu.

► Tin doanh nghiệp

Với kết quả lợi nhuận 6 tháng đầu năm chỉ đạt 20% kế hoạch, CTCP Sông Ba (HOSE: SBA) đã đề ra kế hoạch kinh doanh trong 6 tháng còn lại với các chỉ tiêu tập trung chủ yếu vào quý 4. Cụ thể, doanh thu sản xuất điện quý 3 và 4 lần lượt là 39.5 và 120.7 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế lần lượt 5.9 và 59.4 tỷ đồng. Như vậy riêng quý 4 chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế sẽ chiếm khoảng 76% cả năm (78 tỷ đồng). Trong 6 tháng đầu, doanh thu sản xuất SBA đạt 72.5 tỷ đồng, gấp rưỡi cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế là 17.6 tỷ đồng, tương ứng 20% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế 16 tỷ đồng, cùng kỳ âm 12.7 tỷ đồng.

Lãnh đạo CTCP Thương mại XNK Thủ Đức (HNX: TMC) cho biết, đợt giảm giá xăng vừa qua có ảnh hưởng nhẹ đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, do lượng dự trữ hàng tồn kho không nhiều, nên mức độ tác động không lớn. TMC đặt mục tiêu trong quý 3 sẽ đạt 6 tỷ đồng lợi nhuận, nâng mức lợi nhuận 3 quý đầu năm lên hơn 20 tỷ đồng. Theo đại diện TMC, tỷ lệ hoa hồng mà các đại lý xăng nhận được đang được điều chỉnh tăng lên cũng là yếu tố hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung, trong đó có TMC.

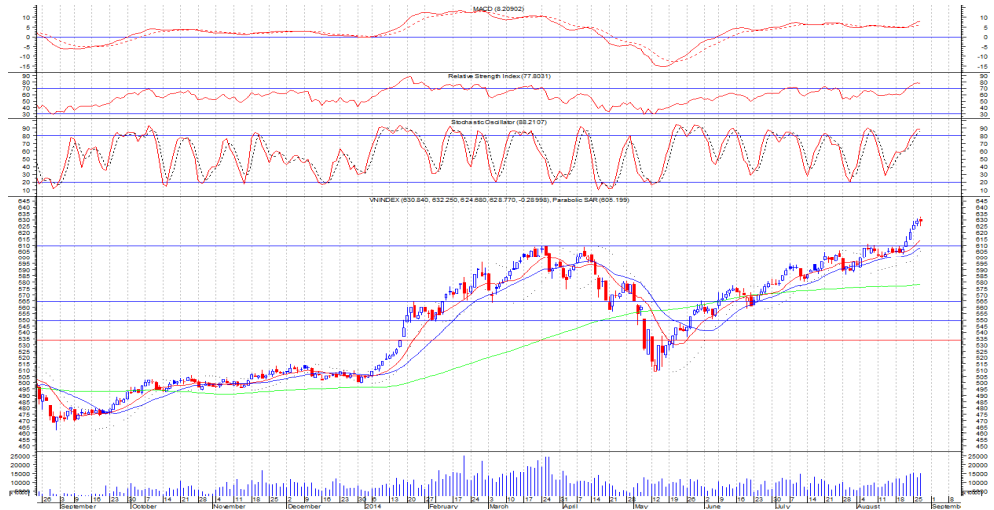
Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (HOSE: HQC) công bố thông tin về kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ để cân trừ công nợ. Theo đó, HQC đã phát hành 30 triệu cổ phiếu, tương đương 300 tỷ đồng tính theo mệnh giá cho 3 đối tác quen thuộc là CTCP TV-TM-DV Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông, CTCP Xây dựng và Kinh doanh Nhà Bình Thuận và CTCP Việt Kiến trúc. Được biết, đợt phát hành này của HQC không trực tiếp thu tiền mà dùng toàn bộ vào việc cân trừ công nợ. Theo kế hoạch, cổ phiếu được phát hành với giá bằng mệnh giá 10,000 đồng/cổ phiếu.

HOSE 27/08/2014 VNINDEX 628.77 -0.28 -0.04% 157,140,925 CP 2,735.18 bil VND

Dòng tiền phân hóa mạnh, 2 sàn đóng cửa trái chiều

VN-Index giảm 0,29 điểm (-0,05%), đóng cửa tại mức 628,77 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, VN-Index điều chỉnh nhẹ lúc đóng cửa phiên giao dịch.

- MACD tiếp tục gia tăng khá mạnh đây là tín hiệu lạc quan.
- Stochastic Oscillator gia tăng tích cực và vẫn nằm trong vùng quá mua.
- MA10, MA20 gia tăng tích cực, đây là tín hiệu cho thấy đà tăng của VN-Index vẫn tiếp diễn.
- RSI (14) sụt giảm nhẹ và ở mức 78. Đây vẫn là mức khá cao.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.8%)	20,734,580
ITA	0.2 (2.3%)	15,942,830
HQC	0.2 (2.5%)	7,166,180
PTL	0.2 (5.3%)	5,367,460
PET	1.5 (7.0%)	4,046,480

HOSE Top 5 theo % tăng

PET	1.5 (7.0%)	4,046,480
VCF	12 (7.0%)	51,250
SFI	2 (6.8%)	160,920
SBC	0.7 (6.7%)	38,090
KSH	0.7 (6.5%)	123,860

HOSE Top 5 theo % giảm

PAN	-18 (-31.9%)	135,430
IMP	-20.1 (-30.2%)	76,270
HAG	-2.1 (-8.1%)	3,916,530
STG	-1.6 (-7.0%)	10
TV1	-0.9 (-6.9%)	1,860

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

DPM	16,6 tỷ	504,160
PVD	4,7 tỷ	47,430
PVT	3,2 tỷ	184,970
PPC	2,9 tỷ	133,270
HSG	2,8 tỷ	62,240

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-77,6 tỷ	1,326,890
KDC	-65,8 tỷ	901,140
HPG	-13,5 tỷ	223,720
MSN	-10,5 tỷ	125,580
GMD	-4,2 tỷ	120,620

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-1,807,950	- 134.33

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường vẫn thể hiện sự tích cực, đà tăng tiếp tục gia tăng, tuy nhiên dòng tiền có xu hướng phân hóa rõ ràng hơn. VN-Index điều chỉnh nhẹ lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 152 triệu đơn vị. Thanh khoản vẫn ở mức cao, nó cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang khá hưng phấn.
- ▶ Khối ngoại bán ròng trở lại với giá trị 134 tỷ. Lượng bán ròng tập trung nhiều ở VIC và KDC. Trong khi khối này mua nhiều ở mã DPM.
- ▶ VN-Index đang hướng tới mốc đỉnh cũ 630 điểm, tuy nhiên áp lực chốt lời sẽ xuất hiện khá mạnh ở những phiên tới. Dòng tiền sẽ xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, cân nhắc chốt lời phần danh mục đã mang tới lợi nhuận. Tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục đầu tư.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	123.0	233,085.00	20.1	6.6	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	112.0	112,013.28	18.3	6.0	34.1%	27.1%
VIC	1,382.4	57.5	79,486.42	16.8	4.5	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	27.6	73,554.56	16.2	1.7	10.6%	1.0%
MSN	734.9	83.5	61,365.10	-1,528.8	4.4	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	9.4	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.8	1.2	12.4%	0.7%
BVH	680.5	44.3	30,144.88	24.9	2.6	10.1%	2.1%
PVD	303.0	99.0	30,001.11	12.7	2.7	22.7%	10.7%
HPG	481.9	60.0	28,914.49	10.5	2.8	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

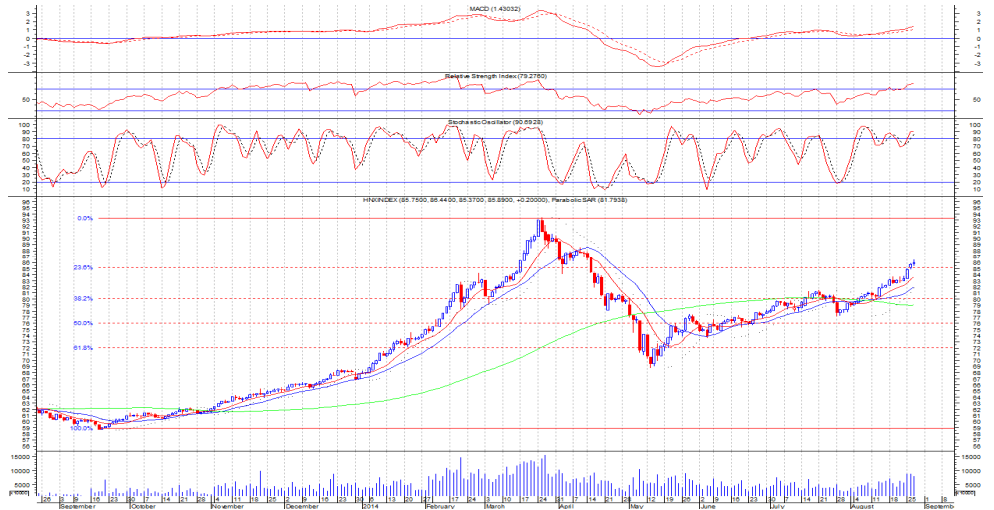
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.4	4,451.92	19.8	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	55.0	18,914.18	11.9	2.5	NA	TH.DOI
CII	115.5	21.4	2,472.28	8.3	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.5	3,160.75	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.3	686.48	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	23.5	648.83	2.6	1.0	NA	TH.DOI

HNX 27/08/2014 HNX-Index 85.89 0.20 0.23% 81,562,171 CP **940.54** bil. VND

Dòng tiền phân hóa mạnh, 2 sàn đóng cửa trái chiều

Chỉ số HNX-Index tăng 0.2 điểm (+0.23%), đóng cửa tại mốc 85.89 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, Cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của chỉ số này..

- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang gia tăng và nằm trong vùng quá mua.
- MACD tiếp tục gia tăng mạnh.
- RSI (14) tăng tích cực lên mốc 79.
- MA10 và MA20 vẫn đang gia tăng tốt, điều này cho thấy xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn đang được giữ vững.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.5 (9.8%)	22,364,440
SCR	0.4 (4.0%)	5,671,580
SHB	-0.1 (-1.1%)	4,343,920
PVS	-0.5 (-1.2%)	3,580,600
KLS	0 (0.0%)	3,423,570

HNX Top 5 theo % tăng

DGC	3.9 (10.0%)	22,100
KLF	1.1 (10.0%)	630,950
SMT	2.1 (10.0%)	7,900
THB	2.2 (10.0%)	100
PVB	5 (9.9%)	583,120

HNX Top 5 theo % giảm

BTH	-0.6 (-10.0%)	6,600
DZM	-0.5 (-10.0%)	10,380
CJC	-2.5 (-9.9%)	3,800
BXH	-1 (-9.8%)	100
SDN	-3.4 (-9.8%)	2,600

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	18,1 tỷ	442,000
PVC	3,0 tỷ	88,500
VND	2,2 tỷ	130,000
DBC	1,7 tỷ	71,700
SD9	0,4 tỷ	30,500

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVE	-18,0 tỷ	1,336,400
SHB	-1,6 tỷ	171,700
VCG	-1,5 tỷ	106,000
KLS	-1,1 tỷ	91,000
KSQ	-0,4 tỷ	45,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-328,000	14.06

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường vẫn thể hiện sự tích cực, đà tăng tiếp tục gia tăng, tuy nhiên dòng tiền có xu hướng phân hóa rõ ràng hơn. HNX-Index vẫn giữ được sắc xanh lúc đóng cửa.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 80 triệu đơn vị. Thanh khoản vẫn rất tích cực, thể hiện tâm lý và lực cầu vẫn đang rất tốt.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 14,06 tỷ. Đây là yếu tố khá tích cực tác động lên chỉ số HNX-Index giai đoạn tới.
- ▶ HNX-Index đang có xu hướng tăng điểm khá tốt, tuy nhiên áp lực chốt lời sẽ xuất hiện khá mạnh ở những phiên tới. Dòng tiền sẽ xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, cân nhắc chốt lời phần danh mục đã mang tới lợi nhuận. Tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục đầu tư.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	41.0	18,314.72	10.5	2.2	21.5%	7.1%
ACB	909.8	15.3	13,919.64	20.8	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	9.6	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.4	6,360.63	11.4	1.1	10.2%	2.4%
OCH	200.0	25.7	5,140.00	84.1	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	19.1	4,300.52	14.6	0.7	4.7%	1.9%
LAS	77.8	35.7	2,778.60	6.9	1.8	27.5%	15.2%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.8	1.1	12.7%	5.7%
NTP	56.3	46.4	2,614.14	7.0	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	35.6	1,352.80	8.8	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.5	653.40	6.2	0.9	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.4	1,639.98	15.4	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.4	2,614.14	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	33.9	1,695.00	10.0	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	41.0	322.87	6.5	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	61,365.10	13.73%	83.5	#####	4.35	375,713	384,201	218,881
VIC	HOSE	1,382.4	79,486.42	13.68%	57.5	16.84	4.53	1,294,518	1,162,631	621,767
HPG	HOSE	481.9	28,914.49	13.62%	60.0	10.50	2.77	1,072,422	845,568	823,421
PVD	HOSE	303.0	30,001.11	9.64%	99.0	12.72	2.70	390,252	367,930	351,572
HAG	HOSE	718.2	17,163.90	8.07%	23.9	15.96	1.37	3,655,605	2,850,872	2,622,850
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	7.65%	18.8	7.83	1.26	236,932	248,266	1,118,853
VCB	HOSE	2,665.0	73,554.56	6.07%	27.6	16.17	1.67	674,388	441,559	420,174
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	5.32%	33.2	9.66	1.37	1,427,917	1,131,945	949,796
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.07%	8.8	61.52	0.79	7,955,033	5,222,987	4,971,470
BVH	HOSE	680.5	30,144.88	2.45%	44.3	24.94	2.59	124,474	150,087	169,337
KBC	HOSE	389.8	5,300.74	2.33%	13.6	22.52	1.01	2,016,001	1,543,139	1,296,524
HSG	HOSE	96.3	4,334.09	2.28%	45.0	13.29	1.83	189,037	154,659	124,421
GMD	HOSE	116.1	4,053.22	1.97%	34.9	7.25	0.87	481,414	293,502	208,579
VSH	HOSE	206.2	2,990.50	1.58%	14.5	14.22	1.12	841,070	654,558	547,824
PPC	HOSE	318.2	6,872.14	1.47%	21.6	13.83	1.38	682,182	606,750	483,946
CSM	HOSE	67.3	3,001.22	1.45%	44.6	8.29	2.50	269,908	216,521	363,126
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.34%	55.5	12.52	3.40	249,974	175,166	222,933
HVG	HOSE	132.0	2,904.00	1.24%	22.0	24.11	1.22	688,169	866,298	670,710
PVT	HOSE	255.9	4,451.92	1.16%	17.4	19.80	1.47	2,214,251	2,024,844	1,563,465
DIG	HOSE	178.7	2,323.68	1.06%	13.0	69.71	0.99	243,120	247,003	199,557
OGC	HOSE	300.0	3,570.00	0.82%	11.9	52.09	1.10	3,546,273	2,174,607	1,571,410

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	7.67%	18.8	7.83	1.26	236,932	248,266	1,118,853
MSN	HOSE	734.9	61,365.10	7.43%	83.5	#####	4.35	375,713	384,201	218,881
VCB	HOSE	2,665.0	73,554.56	7.31%	27.6	16.17	1.67	674,388	441,559	420,174
VIC	HOSE	1,382.4	79,486.42	6.29%	57.5	16.84	4.53	1,294,518	1,162,631	621,767
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	5.63%	33.2	9.66	1.37	1,427,917	1,131,945	949,796
BVH	HOSE	680.5	30,144.88	5.63%	44.3	24.94	2.59	124,474	150,087	169,337
PVS	HNX	446.7	18,314.72	5.50%	41.0	10.53	2.22	4,127,372	3,309,958	2,633,248
PVD	HOSE	303.0	30,001.11	3.79%	99.0	12.72	2.70	390,252	367,930	351,572
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.48%	8.8	61.52	0.79	7,955,033	5,222,987	4,971,470
SHB	HNX	886.1	8,151.97	3.36%	9.2	9.64	0.76	4,254,786	3,101,508	4,879,130
HAG	HOSE	718.2	17,163.90	3.27%	23.9	15.96	1.37	3,655,605	2,850,872	2,622,850
VCG	HNX	441.7	6,360.63	3.21%	14.4	11.35	1.14	837,362	636,805	1,019,971
OGC	HOSE	300.0	3,570.00	2.07%	11.9	52.09	1.10	3,546,273	2,174,607	1,571,410
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.52%	55.5	12.52	3.40	249,974	175,166	222,933
GMD	HOSE	116.1	4,053.22	1.49%	34.9	7.25	0.87	481,414	293,502	208,579
PPC	HOSE	318.2	6,872.14	1.32%	21.6	13.83	1.38	682,182	606,750	483,946
PVT	HOSE	255.9	4,451.92	1.16%	17.4	19.80	1.47	2,214,251	2,024,844	1,563,465
PVX	HNX	400.0	2,240.00	0.00%	5.6	- 1.70	2.35	10,204,631	8,164,355	6,614,013

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,382.4	79,486.42	0.00%	57.5	16.84	4.53	1,294,518	1,162,631	621,767
MSN	HOSE	734.9	61,365.10	0.00%	83.5	#####	4.35	375,713	384,201	218,881
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	0.00%	33.2	9.66	1.37	1,427,917	1,131,945	949,796
HAG	HOSE	718.2	17,163.90	0.00%	23.9	15.96	1.37	3,655,605	2,850,872	2,622,850
VCB	HOSE	2,665.0	73,554.56	0.00%	27.6	16.17	1.67	674,388	441,559	420,174
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.00%	18.8	7.83	1.26	236,932	248,266	1,118,853
BVH	HOSE	680.5	30,144.88	0.00%	44.3	24.94	2.59	124,474	150,087	169,337
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	9.39	1.03	285,740	237,621	273,515
GAS	HOSE	1,895.0	233,085.00	0.00%	123.0	20.14	6.60	437,589	375,838	325,621

Công ty quản lý **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ **19/09/2011** SLCKVN **9/142**
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTTSQL **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	61,365.10	0.88%	83.5	#####	4.35	375,713	384,201	218,881
VIC	HOSE	1,382.4	79,486.42	0.56%	57.5	16.84	4.53	1,294,518	1,162,631	621,767
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.31%	18.8	7.83	1.26	236,932	248,266	1,118,853
VCB	HOSE	2,665.0	73,554.56	0.24%	27.6	16.17	1.67	674,388	441,559	420,174
DPM	HOSE	379.9	12,613.82	0.15%	33.2	9.66	1.37	1,427,917	1,131,945	949,796
BVH	HOSE	680.5	30,144.88	0.08%	44.3	24.94	2.59	124,474	150,087	169,337

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **12/09/2012** SLCKVN **6/102**
 Chỉ số tham chiếu **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số **30/11/2007** TGTTSQL **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý **iShares** Ngày lập quỹ **01/12/2010** SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số **01/12/2010** TGTTSQL **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,419	6.7	0.9	13.7%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	19,923	9.1	1.5	16.9%	11.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,711	20.6	0.9	4.1%	1.7%
Sản xuất giấy	829	7.2	0.9	12.5%	6.5%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	40,973	17.9	2.3	20.6%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,799	3.1	0.8	24.4%	5.3%
Khai khoáng	12,142	65.9	5.6	0.3%	0.0%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,895	15.5	1.4	11.8%	7.8%
Xây dựng	30,996	44.2	1.2	0.8%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,163	8.1	1.2	16.5%	8.5%
Công nghiệp phức hợp	813	6.7	1.6	13.6%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,307	6.6	0.9	13.6%	6.0%
Thiết bị điện	1,820	17.5	1.1	0.6%	-0.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	42	12.8	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,608	9.1	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,212	3.2	1.2	4.1%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,775	8.0	1.5	19.6%	14.0%
Dịch vụ vận tải	5,912	7.6	1.5	19.0%	11.7%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,929	9.6	1.6	13.7%	6.6%
Đào tạo & Việc làm	226	10.5	0.7	7.9%	2.7%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.0	0.8	11.3%	4.7%
Chất thải & Môi trường	166	2.5	0.8	34.6%	16.7%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,052	17.6	1.2	11.9%	6.5%
Lốp xe	8,142	10.1	2.9	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,496	7.4	1.3	15.7%	8.5%
Vang & Rượu mạnh	302	13.5	2.1	16.0%	10.0%
Đồ uống & giải khát	237	6.8	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	18,571	10.8	1.8	18.8%	6.8%
Thực phẩm	203,536	24.8	5.0	20.7%	16.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	56	15.2	0.7	4.6%	3.5%
Thiết bị gia dụng	2,450	8.2	1.2	14.4%	7.0%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	599	47.2	1.5	2.8%	2.0%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,382	9.0	1.7	18.3%	7.3%
Giày dép	7	1.0	0.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,030	9.3	1.7	18.0%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	718	8.0	1.1	-1.7%	3.8%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		888	14.5	0.9	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế		154	3.2	1.7	38.0%	16.2%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		149	6.8	0.9	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,726	10.9	3.0	24.9%	16.4%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		228	42.9	0.7	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		657	10.2	1.0	12.8%	7.4%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,742	10.1	1.7	17.0%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,088	9.5	1.0	10.6%	7.4%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,713	73.3	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí		2,424	16.8	1.4	13.4%	11.6%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,372	17.9	2.8	22.3%	19.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		65	15.2	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		603	14.4	0.8	5.5%	2.0%
Internet		333	70.2	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm		19,210	11.9	2.5	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		446	15.1	0.7	4.4%	1.7%
Thiết bị văn phòng		279	4.7	1.0	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		10,608	27.3	6.1	33.2%	11.2%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		23,578	-	5.6	1.3	-11.6%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		239,877	19.6	6.5	33.1%	22.7%
Nước		1,296	6.9	1.1	16.9%	11.3%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,227	7.1	0.8	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,697	11.6	0.7	6.3%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,753	8.8	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		30,213	24.9	2.6	10.1%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,540	52.1	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		26,467	13.4	1.5	9.6%	6.9%
Ngân hàng						
Ngân hàng		245,732	11.4	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		162,691	16.8	2.9	20.0%	5.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		9	2.3	0.7	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		51,532	11.6	2.5	22.5%	9.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.